TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 525/2020/HS-PT
Ngày: 23/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;
Ông Nguyễn Tất Nam.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đỗ Ngọc Chuyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Thủy, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 393/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

H (tên gọi khác: H1), sinh năm 1974 tại: S, T; giới tính: Nam; nơi cư trú: Xóm 8, xã A, huyện S, tỉnh T; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề ngX: Lao động tự do; con ông H2 Xuân và bà H3; có vợ là H4 và 02 con (con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 31/3/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 12 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 116/2015/HSST (ngày 13/10/2016 TAND cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm, theo bản án số 585/2016/HSPT); ngày 16/5/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 18 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 167/2016/HSST (ngày 09/7/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm theo Bản án số 387/2019/HSPT) và tổng hợp với hình phạt 12 năm tù theo Bản án số 585/2016/HSPT ngày 13/10/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội buộc H phải chấp hành hình phạt chung là 30 năm tù. Bị cáo hiện đang chấp hành án kể từ ngày 18/01/2019 tại Trại giam Thanh Lâm - Cục C10 Bộ Công an; có mặt.

** Người bào chữa do Tòa án chỉ định cho bị cáo:* Luật sư T - Công ty luật TNHH MTV 36 và Cộng sự, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T; có mặt.

** Người bị hại có kháng cáo:* Ông N, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số nhà 485 Trần Phú, phường T2, thị xã T1, tỉnh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, xuất phát từ mối quan hệ quen biết với ông N, ở số nhà 485, đường Trần Phú, phường T2, thị xã T1, tỉnh T, H đã nói với N, bản thân có nhiều mối quan hệ, quen biết rộng và có khả năng xin được việc làm cho con của N vào công tác tại Bộ Công an với chi phí là 500.000.000đ. Do tin tưởng H nên ngày 18/5/2015, ông N đã đưa cho H số tiền là: 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) để nhờ H xin cho con trai là B vào Cục Cảnh sát Môi trường - Bộ Công an. Khi nhận tiền H viết lại cho ông N 01 (một) Giấy biên nhận tiền đề ngày 18/5/2015 có nội dung: "*Nhận của anh chị N – N1 số tiền là 500.000.000đ*". Sau khi nhận tiền thì H đi xin một người (H không nhớ tên và địa chỉ cụ thể) một mẫu lý lịch tuyển dụng vào ngành Công an, sau đó phô tô thành nhiều bản và nhờ anh F (là bạn quen ngoài xã hội với H) hướng dẫn cách viết mẫu lý lịch tuyển dụng vào ngành Công an, sau đó đưa cho ông N, đồng thời hứa sang năm 2016 sẽ có Quyết định đi làm cho con trai ông N. Sau đó H không xin việc làm cho con ông N như đã hứa mà đã sử dụng chi tiêu cá nhân và trả nợ. Đến ngày 15/01/2016, khi H không có nhà thì N đến yêu cầu D (vợ H) ký tên vào một giấy hẹn trả nợ đề ngày 15/01/2016 trong đó có nội dung "*Năm trăm triệu đồng chạy vào ngành Công an cho cháu B*".

Ngoài ra ngày 19/6/2015, H còn vay của ông N số tiền là 400.000.000đ, khi nhận tiền H viết nội dung vay tiền vào Giấy biên nhận đề ngày 18/5/2015 mà H đã viết cho N trước đó và hẹn 06 tháng sau sẽ trả cộng với lãi suất n H đến nay H mới trả cho N được 100.000.000đ, còn nợ 300.000.000đ. Sau khi thấy H không xin được việc làm, ông N nhiều lần yêu cầu H trả lại tiền và trả nợ khoản tiền vay n H H không trả. Ngày 27/01/2017, H đến nhà N để nói chuyện và tiếp tục hứa sẽ có quyết định cho cháu B con ông N làm việc tại Bộ công an, gia đình ông N đã ghi âm nội dung cuộc nói chuyện sau đó giao nộp lại cho Cơ quan điều tra; quá trình điều tra, ngày 19/11/2019, bị cáo H đã khắc phục hậu quả số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), cơ quan điều tra đã trả số tiền trên cho ông N.

* Đối với khoản tiền 500 triệu đồng của Trần Thị X, ở tổ 5, phường Ba Đình, thị xã T1, tỉnh T. Quá trình điều tra xác định:

Do có mối quan hệ quen biết và nhiều lần vay mượn tiền giữa em gái của H là Y với X thì tính đến ngày 05/4/2015, Y còn nợ X là 390.000.000đ. Do Y chưa có tiền trả nên X yêu cầu Y viết một giấy, có nội dung: "*Nhận số tiền 390.000.000đ để đưa cho H với mục đích xin việc làm…*", giấy đề ngày 05/4/2015, với mục đích để Y có trách nhiệm trả nợ cho X. Sau đó, giữa X và Y tiếp tục có những lần vay mượn, tính đến ngày 09/3/2016, Y nợ X thêm khoản tiền 335.000.000đ. Ngày 16/01/2018, Y và X chốt tổng số tiền nợ gồm

02 (hai) khoản là 725.000.000đ, thể hiện bằng Giấy vay tiền đề ngày 16/01/2018, cam kết trả trong năm 2018. Khi viết giấy vay mới thì các giấy vay cũ không được hủy đi. Về nội dung Y viết trong giấy vay nợ tiền: "*nhận tiền đưa cho H để xin việc làm…*" thì Y và X không nói cho H biết.

Đối với số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) tại giấy vay tiền đề ngày 03/6/2015 do chị D (vợ H) viết và ký tên. Quá trình điều tra D khai báo: Số tiền trên là do D trực tiếp vay của chị X để chi tiêu cá nhân và chữa bệnh, đến năm 2017, chị D đã trả lại cho X: 20.000.000đ, còn nợ lại là: 90.000.000đ, khi D trả cho X thì không có giấy tờ nhưn g hai bên đều công nhận là đã trả 20 triệu đồng, còn nợ 90 triệu đồng.

X không trực tiếp đưa tiền để nhờ H xin việc làm, H cũng không hứa hẹn gì với X về việc xin việc cho con gái X. Việc ngày 18/3/2018, Trần Thị X làm đơn gửi Cơ quan điều tra tố giác Y và H là do Y; D (vợ H) không thực hiện trả tiền theo cam kết; thời điểm tố giác có sau khi X và Y viết Giấy chốt nợ đề ngày 16/01/2018.

Tại Bản kết luận Giám định số 1187/KLGĐ-PC54 ngày 30/6/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T, về giám định chữ viết và chữ ký trong "*Giấy biên nhận*" đề ngày 18/5/2015 và ngày 19/6/2015 có chữ ký đứng tên H, kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên H trên tài liệu cần giám định với tài liệu mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Quá trình điều tra, ông N đã giao nộp 01 (một) USB, có chứa nội dung ghi âm cuộc nói chuyện giữa ông N, bà N1 (vợ N), Mai Thanh B, A (là con trai của N) với H tại nhà ông N ở thị xã T1 vào ngày 27/01/2017; Cơ quan CSĐT đã tiến hành trưng cầu giám định. Tại Bản kết luận Giám định số 4596/C09 ngày 10/10/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

+ Tiếng nói của người đàn ông trong mẫu giám định ký hiệu là "H" trong bản dịch và tiếng nói của H trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định (Kèm theo Bản kết luận Giám định số 4596/C09, ngày 10/10/2018), kết luận: Từ thời gian 11 phút 21 giây đến 13 phút 34 giây, tiếng nói của người đàn ông trong mẫu giám định ký hiệu là "H" có nói nội dung: "*Vì cái năm mười sáu nó có cái quyết định của bác C là không tuyển người bên ngoài, nó lại ra muộn hơn một chút. Thế nhưng mà năm nay thì thay đổi, thế nên…*".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2020/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, p, s khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt: Bị cáo H 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp với hình phạt 30 năm tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 387/2019/HSPT ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999,

buộc bị cáo H bồi thường cho ông N số tiền 490.000.000đ (bốn trăm chín mươi) triệu đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/3/2020, người bị hại trong vụ án là ông N có đơn kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông là vi phạm nghiêm trọng tố tụng; đối với khoản tiền 400.000.000 đồng không xem xét về hành vi lừa đảo là không đúng, sau khi vay tiền bị cáo đã xây nhà xưởng nhưng không chịu trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phân tích đánh giá các nội dung liên quan đến kháng cáo, cho rằng không có căn cứ hủy án sơ thẩm nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh T trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Việc tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt người bị hại là đảm bảo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/05/2015, dù không có khả năng nhưng H đã nhận của ông N số tiền là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) để xin cho con trai ông N là B vào ngành Công an. Bị cáo đã gian dối trong việc đưa ra các thông tin không có thật làm cho bị hại là ông N tin là bị cáo có khả năng xin được việc làm cho con ông N vào ngành Công an, đồng thời giao cho H số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của người bị hại:

Vụ án thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo mang tính nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nH tiếp tục phạm tội thể hiện ý thức pháp luật kém nên cần xử lý nghiêm. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p, s khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 nên mức hình phạt mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp; đồng thời việc H phải chịu hình phạt chung là 30 năm tù sau

khi được tổng hợp hình phạt với bản án Hình sự phúc thẩm số 387/2019/ HSPT ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội là đảm bảo tính nghiêm minh, có tác dụng cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Việc người bị hại cho rằng số tiền chiếm đoạt trên H dùng để xây nhà xưởng mang tên bố mẹ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ để kê biên nhằm đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, quá trình tranh tụng, bị cáo chỉ thừa nhận dùng tiền trên để trả nợ và chi tiêu cá nhân, việc xem xét về tài sản (nếu có) để thực hiện nghĩa vụ đối với bản án thuộc giai đoạn thi hành án nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại về nội dung trên.

Đối với khoản tiền 400 triệu đồng, ông N kháng cáo cho rằng đây là số tiền bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt của ông, mạo danh con dấu Công ty cổ phần An Sơn đã giải thể vay tiền để đầu tư vào sản xuất của công ty. Tuy nhiên, theo giấy vay nợ và căn cứ lời khai của hai bên thì ông N cho bị cáo vay số tiền trên, lãi suất theo quy định ngân hàng. Chính ông N tại quá trình điều tra đã thừa nhận cho H vay nợ và đây là giao dịch dân sự tự nguyện giữa hai bên nên cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về khoản tiền này là có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N nại rằng còn có khoản tiền ông N cho người khác vay trên cơ sở bị cáo H giới thiệu nhưng sự việc này không thuộc phạm vi giải quyết của phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về bồi thường dân sự: Số tiền bị cáo H chiếm đoạt của ông N là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Ngày 19/11/2019, H đã khắc phục hậu quả được 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn đang chiếm đoạt số tiền 490.000.000đ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo H bồi thường cho ông N số tiền còn lại là 490.000.000đ (bốn trăm chín mươi triệu đồng). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại không yêu cầu kháng cáo về dân sự nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích trên cho thấy kháng cáo của người bị hại không có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Người bị hại không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của người bị hại là ông N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 15/2020/HSST ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; các điểm b, p, s khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 50; khoản 1 Điều 51 BLHS năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo H 12 (mười hai) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với hình phạt 30 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 387/2019/HSPT ngày 09/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/01/2019.

Về dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999, buộc bị cáo H bồi thường cho ông N số tiền 490.000.000đ (bốn trăm chín mươi triệu đồng).

Về án phí: Ông N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Hạnh **Nguyễn Tất N** **Nguyễn Thị Thanh Xuân**

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh T;*
- *VKSND tỉnh T;*
- *Cục THADS tỉnh T;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh T;*
- *Bị cáo (qua trại);*
- *Người bị hại (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Xuân